

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		T.UNG	7:25	17	0		15	0			
2		AMD	7:25	22	0		22	0			
3		TD5+VSP01	7:25	1+21	0+0		1+21	0+0			
4		TD2+TGTH5+TGTH4	9:25	12+5+5	0+0+0		10+5+6	0+0+0			
5		RP2+P2+VSP01	9:25	14+0+7	0+0+0		9+0+9	0+0+0	chuyen 4 P2- VSP01		

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:T.UNG - SAVR	CREW: HOÀI - VLINH	ETA: 10:40
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1712	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	FEDORCHENKO VIKTOR D	T.UNG	18-19	2	13			84	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	16	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DUY DUNG	T.UNG	72	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	14	1	6	5	86	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	75	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	15	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	21	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU TIEN VINH	T.UNG	74	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGOC TOAN	T.UNG	73	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	17	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BẢNG	T.UNG	78	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆP	T.UNG	76-77	2	9			89	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	11	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	T.UNG	10	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	20	1	3			79	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN TƯ LONG	T.UNG	13	1	4			67	PSV	Vietnamese
17	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	12	1	3			87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.228	19	103	5	86	15		
2	SAVR	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.228	19	103	5	86	17		
WEIGHT KG			1.228		103		86			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 18/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:AMD	CREW: DUONG - MTHAO - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1708	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SHANKARAN KANASAN	AMD	22	1	8			89	BAB	Malaysian
2	NGUYEN VAN AN	AMD	07	1	5	6	90	54	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO TRUNG KIEN	AMD	03-04	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	21	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TÀN	AMD	13	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	10	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	12	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	AMD	08	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TÀN	AMD	14	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	06	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HỒNG LINH	AMD	09	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀNG XUAN HAI	AMD	05	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU THAO	AMD	15	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC THU	AMD	18	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NGỌC DUƠNG	AMD	19	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ MẠNH HÙNG	AMD	23	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	01-02	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	24	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀNG VĂN BA	AMD	20	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VU DUYEN	AMD	16	1	7			68	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TAN VUONG	AMD	11	1	7			69	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN THIÊN	AMD	17	1	8			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	22	1.547	24	151	6	90	22		
TOTAL		22	1.547	24	151	6	90	22		
WEIGHT KG			1.547		151		90			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - VSP01	CREW: XHOÀN - N.CUÔNG - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1710	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ TIẾN NGỌC	TD5	84	1	10			80	VR	Vietnamese
2	CHERNYSHEV V.A.	VSP01	01	1	8			117	KH-THAC	Russian
3	VŨ QUANG HUY	VSP01	22	1	3	2	23	80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH PHU	VSP01						66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	15	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	14	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGŨ XUÂN ĐỨC	VSP01	11	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	10	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	03	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	04	1	12	1	28	88	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	17	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN DUY BÌNH	VSP01	18	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	07	1	4			59	YTE	Vietnamese
14	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	08	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP01	12-13	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	16	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	VSP01	23	1	13	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	05-06	2	9	2	40	63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN KIM	VSP01	09	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	19	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	02	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	1	80	1	10	0	0	1		
2	VSP01	21	1.588	21	133	6	101	21		
TOTAL		22	1.668	22	143	6	101	22		
WEIGHT KG			1.668		143		101			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHAN NHƯ CUÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD2 - TGTH5 - TGTH4	CREW: DƯƠNG - MTHAO - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1709	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN HUY ANH	TD2	21	1	8	1	16	91	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ QUANG VINH	TD2	23-24	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN THĂNG	TD2	61-62	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD2	25-26	2	11			69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHI HÙNG	TD2	18	1	8			55	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ THANH BÌNH	TD2	27	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC ANH	TD2	19-20	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NHƯ SANG	TD2	28	1	14	1	17	69	XAYLAP	Vietnamese
9	LÀ TUẤN LINH	TD2	31-32	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	TD2	34	1	9			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	TD2	29-30	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	TD2	33	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	65	1	7			69	HLJOC	Vietnamese
14	LÊ MINH THUẬN	TGTH5	68-69	2	11			69	HLJOC	Vietnamese
15	THAI THANH THẢO	TGTH5	66	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	67	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LUƠNG HÀ NAM	TGTH5	63-64	2	8			78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	63-64	2	13			106	HLJOC	Vietnamese
19	LÊ THANH DANH	TGTH4	61-62	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VINH QUANG	TGTH4	59-60	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
21	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	65-66	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TUẤN	TGTH4	58	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	12	822	18	151	2	33	10		
2	TGTH5	5	360	7	48	0	0	5		
3	TGTH4	5	380	9	54	0	0	6		
TOTAL		22	1.562	34	253	2	33	21		
WEIGHT KG			1.562		253		33			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:RP2 - P2 - VSP01	CREW: XHOÀN - N.CUƠNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1711	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG KHAC CUONG	RP2	69	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN MINH HOANG	RP2	74	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC CUONG	RP2	72-73	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI CONG HUAN	RP2	70-71	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI TRONG TRIU	RP2	45-46	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
6	LE HUY KHANH	RP2	98,42	2	21			56	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM TIEN DAT	RP2	43-44	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VAN THIEN	RP2	96-97	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH QUANG DUNG	RP2	42-43	2	21			63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HIEU	RP2	93-94	2	19			82	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG THANH SON	RP2	95	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN THANH THAN	RP2	39-40	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VAN TUAN	RP2	41	1	9			67	PSV	Vietnamese
14	ĐO MINH THUAN	RP2	37-38	2	14			77	PSV	Vietnamese
15	TRAN HONG QUAN	P2	09-10	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
16	HUYNH VAN THON	VSP01				1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	64,67	2	5			61	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HUY BINH	VSP01	63	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN BA NGOC	VSP01	62	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH THANG	VSP01	600	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU DUC	VSP01	47	1	7	1	17	77	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN VAN HOA	VSP01	68	1	4			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	14	953	24	232	0	0	9		
2	P2	1	76	2	16	0	0	0+4	CHUYEN 4 PAX P2-VSP01	
3	VSP01	7	462	7	32	2	37	9		
TOTAL		22	1.491	33	280	2	37	18		
WEIGHT KG			1.491		280		37			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯƠNG